

# CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA VIỆC NGÂN HÀNG THAM GIA VÀO THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH HIỆN NAY

TS. PHẠM THỊ GIANG THU \*

**T**hị trường tài chính là một bộ phận của thị trường kinh tế chỉ tồn tại trong những điều kiện kinh tế - xã hội nhất định. Ở Việt Nam, nền kinh tế thị trường đang trong quá trình hình thành nên có rất nhiều yếu tố chi phối, tác động đến các chủ thể kinh doanh ngân hàng. Để đảm bảo tốt nhiệm vụ điều chỉnh và định hướng cho các ngân hàng thương mại, pháp luật ngân hàng cũng đang trong quá trình sửa đổi và bổ sung những chế định mới.

## 1. Những điều kiện kinh tế - xã hội chi phối vai trò của ngân hàng trên thị trường tài chính

Với hơn 60 năm phát triển dưới chế độ mới, hoạt động của tổ chức tín dụng là ngân hàng đã góp phần to lớn cho sự phát triển của nền kinh tế. Tuy vậy, tác giả bài viết không đề cập những thành tựu của hệ thống các tổ chức kinh tế này mà mong muốn chỉ ra những thực tế pháp lý mà hệ thống ngân hàng sẽ phải đối mặt.

*Thứ nhất*, thực hiện các cam kết mở cửa, Chính phủ Việt Nam cho phép tổ chức tín dụng nước ngoài kinh doanh trong lĩnh vực ngân hàng với những hình thức và cách thức đa dạng, tạo sức hút của thị trường tài chính Việt Nam đối với nhà đầu tư nước ngoài. Những cam kết này đặt ra cho hệ

thống pháp luật Việt Nam đồng thời nhiều nhiệm vụ khác nhau. Trước hết, với những cam kết song phương và đa phương trong việc thực hiện dịch vụ tài chính thương mại, khả năng cung ứng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng của các thành phần kinh tế, Nhà nước cần tiến hành những công việc cần thiết để nội luật hoá các cam kết đó vì những cam kết này mới chỉ dừng lại ở mức độ cho phép hay không cho phép mà chưa phải là những quy định cụ thể. Trong thời gian qua, bằng các quy định ở cấp độ nghị định và quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước,<sup>(1)</sup> cơ hội đầu tư kinh doanh ngân hàng của các tổ chức tín dụng có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam đã trở thành hiện thực. Điều này đã đặt các ngân hàng của Việt Nam trước thực tế bị san sẻ thị trường.

*Thứ hai*, trên thị trường tài chính, dịch vụ ngân hàng do các chủ thể được phép cung cấp còn manh mún, chi phí cao. Số lượng tổ chức tín dụng được phép cung ứng dịch vụ trên thị trường tài chính còn hạn chế do năng lực cung cấp của bản thân tổ chức tín dụng và do giới hạn phạm vi dịch

\* Giảng viên chính Khoa pháp luật kinh tế Trường Đại học Luật Hà Nội

vụ được cung cấp theo quy định pháp luật. Điều đó không tương xứng với tốc độ gia tăng nhu cầu cung cấp dịch vụ của các chủ thể trên thị trường. Chẳng hạn, nhu cầu cung ứng dịch vụ thanh toán với chất lượng cao, nhu cầu các khoản tín dụng qua đêm của các trung gian tài chính trên thị trường tài chính vượt xa khả năng cung cấp dịch vụ của các ngân hàng hiện nay, bên cạnh đó, nhiều đối tượng có vốn, có đủ năng lực nhưng lại không được phép thực hiện nghiệp vụ đặc biệt này như doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, bảo hiểm xã hội... Do những ưu thế riêng của một số trung gian tài chính (cụ thể là ngân hàng thương mại nhà nước, ngân hàng cổ phần có cổ đông sáng lập là các tổ chức tín dụng nhà nước), phí dịch vụ áp dụng cho khách hàng không bị cạnh tranh bởi các ngân hàng khác. Như vậy, trong những trường hợp trên, khách hàng bị giới hạn cơ hội hưởng lợi, yêu cầu các nhà hoạch định chính sách cần xem xét và điều chỉnh bằng pháp luật.

*Thứ ba*, nhu cầu mở rộng phạm vi, hình thức kinh doanh của các ngân hàng trong nước ngày càng gia tăng. Thực tế dịch vụ cung cấp của các ngân hàng thương mại Việt Nam hiện nay còn hạn chế. Cho đến nay, trừ Vietcombank, hoạt động của các ngân hàng thương mại vẫn tập trung chủ yếu vào các dịch vụ truyền thống như cho vay, bán buôn qua thị trường chứng khoán và công ti tài chính. Các hoạt động khác chỉ chiếm một phần rất nhỏ trong thu nhập và lợi nhuận của ngân hàng. Với yêu cầu gia

tăng các dịch vụ cần được cung cấp của khách hàng trong nước và quốc tế, mở rộng nội dung và hình thức kinh doanh là một trong những yêu cầu thực tế của bất kì chủ thể kinh doanh nào khi thị trường phát triển.

*Thứ tư*, bên cạnh những cơ hội dành cho các ngân hàng, tính khó kiểm soát của các sản phẩm khác nhau trên thị trường tài chính cũng đặt ra cho cơ quan quản lí nhà nước yêu cầu tính toán và quy định sao cho vừa tạo điều kiện cho ngân hàng tham gia tích cực hơn trên thị trường tiềm năng đồng thời cũng cảnh báo hoặc đưa ra giới hạn nhằm đảm bảo an toàn cho thị trường.

*Thứ năm*, thực hiện những cam kết của Việt Nam trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng và xu hướng phát triển thị trường tài chính. Một trong những nội dung Việt Nam cam kết với các bên kí kết hiệp định song phương và đa phương trong lĩnh vực ngân hàng là sự hiện diện đa dạng hơn của các tổ chức tín dụng nước ngoài (chẳng hạn như được thành lập ngân hàng 100% vốn đầu tư nước ngoài).<sup>(2)</sup> Đây là một trong những nội dung mà Việt Nam cam kết thực hiện với tất cả các nước thành viên. Trong thực tế, Việt Nam đã đi trước một bước nhằm thực hiện chính sách gia nhập thị trường. Luật các tổ chức tín dụng năm 1997 (sửa đổi, bổ sung năm 2003) quy định, các tổ chức tín dụng có vốn đầu tư nước ngoài không chỉ có tổ chức tín dụng phi ngân hàng 100% vốn nước ngoài mà còn có ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài. Đối với các dịch vụ ngân hàng, trong thực tế hiện nay còn những hạn chế nhất định áp dụng

cho các tổ chức tín dụng có vốn đầu tư nước ngoài nhưng theo cam kết tại các Hiệp định song phương và đa phương (chẳng hạn hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ), những hạn chế này đã từng bước được xoá bỏ đối với tổ chức tín dụng có nguồn vốn từ nước kí kết và tiếp tục xoá bỏ theo cam kết gia nhập của Việt Nam với các thành viên WTO. Với những lập luận trên cho thấy các ngân hàng nước ngoài gia nhập thị trường Việt Nam với những ưu thế về vốn, chất lượng sản phẩm và chi phí thấp đang đặt các ngân hàng thương mại của Việt Nam trước nhiều khó khăn, thách thức mới.

## **2. Một số khuyến nghị về mở rộng quyền tự do kinh doanh của ngân hàng trong việc tham gia thị trường tài chính**

Để giải quyết thực tế thị trường kinh doanh tiền tệ bị san sẻ, phân tách, chúng tôi cho rằng cần tạo môi trường pháp lí cho hệ thống ngân hàng tham gia vào các bộ phận thị trường tài chính và thị trường dịch vụ tài chính khác. Ở chừng mực nhất định pháp luật đã cho phép các ngân hàng tham gia thị trường tài chính nhưng với nội dung và mức độ còn hạn chế, chưa thể hiện đúng nhu cầu và năng lực của hệ thống ngân hàng trong giai đoạn hiện tại và tương lai. Có thể chỉ ra một số phương án cụ thể sau:

### **2.1. Tạo điều kiện pháp lí cho ngân hàng tham gia thị trường chứng khoán**

*Thứ nhất*, tạo cơ hội chào bán chứng khoán cho ngân hàng. Thực hiện lộ trình mở cửa thị trường tài chính, nhu cầu tài chính của các ngân hàng là một trong những yếu tố hàng đầu nhằm tạo ra khả năng cạnh

tranh với các ngân hàng nước ngoài cũng như các trung gian tài chính nước ngoài đang có chương trình tham gia hoạt động kinh doanh ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, phương án tăng vốn luôn được ngân hàng cân nhắc. Điều này không đơn thuần xuất phát từ nhu cầu cạnh tranh với các tổ chức kinh doanh các sản phẩm cùng loại trên thị trường mà còn xuất phát từ chính những yêu cầu đảm bảo an toàn mà pháp luật quy định riêng cho từng nội dung kinh doanh. Chẳng hạn, đối với hoạt động cấp tín dụng, bản thân ngân hàng phải thực hiện nhiều giới hạn đảm bảo an toàn khác nhau, nếu năng lực vốn hạn chế thì khả năng đáp ứng nhu cầu khách hàng cũng hạn chế tương ứng.

Phương án tốt nhất cho ngân hàng cổ phần tăng vốn là phát hành cổ phiếu. Tuy nhiên, để chào bán cổ phiếu ra công chúng, các ngân hàng thương mại nhà nước phải được sự chấp thuận của Ngân hàng nhà nước,<sup>(3)</sup> trước khi tiến hành đăng kí với Ủy ban chứng khoán nhà nước. Tiêu chuẩn phát hành cổ phiếu ngân hàng không chỉ tuân thủ theo Luật chứng khoán mà thực hiện theo quy định của Luật tổ chức tín dụng và pháp luật về chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước. Đối với các ngân hàng thương mại nhà nước được cổ phần hoá, Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt kế hoạch cổ phần hoá.<sup>(4)</sup> Để thực hiện kế hoạch chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng rõ ràng trình tự, thủ tục hoàn toàn không đơn giản. *Ví dụ*, Thủ tướng đã quyết định cổ phần hoá Ngân hàng ngoại thương và Ngân hàng phát triển

nhà đồng bằng sông Cửu Long theo Quyết định số 230/2005/QĐ-TTg ngày 21/9/2005 nhưng cho đến năm 2007 Thủ tướng mới tiến hành phê duyệt phương án cổ phần hoá Ngân hàng ngoại thương theo Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 26/9/2007; việc thực hiện chào bán cổ phiếu sắp diễn ra trong thực tế, lượng vốn nhà nước được giảm dần theo nhiều giai đoạn nhưng không thấp hơn 51%. Rõ ràng cơ hội tăng vốn bằng con đường chào bán cổ phiếu của loại hình ngân hàng này không dễ dàng như các mô hình kinh doanh khác. Các ngân hàng thương mại cổ phần muốn chào bán cổ phiếu ra công chúng thì ngoài việc tuân thủ pháp luật chứng khoán còn phải tuân thủ những điều kiện riêng được quy định trong văn bản pháp luật ngân hàng. Điều này có nghĩa là trình tự, thủ tục và khả năng tăng vốn bằng con đường chào bán cổ phiếu ra công chúng của ngân hàng thương mại bị hạn chế rất nhiều. Đối với loại chứng khoán chào bán riêng lẻ, các ngân hàng hiện nay còn phải thực hiện nhiều thủ tục hành chính khác nhau, áp dụng cả đối với ngân hàng phát triển và phát hành trái phiếu ngân hàng để tăng vốn tự có của tổ chức tín dụng nhà nước.<sup>(5)</sup> Những trình tự, thủ tục này thể hiện sự can thiệp quá sâu vào hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại.

Để tăng cơ hội phát hành cổ phiếu cho các ngân hàng thương mại cổ phần, cần quy định điều kiện được phép phát hành cổ phiếu của các ngân hàng thương mại ngay trong Luật các tổ chức tín dụng (điều kiện có thể chặt chẽ hơn và quy định về tỉ lệ nắm

giữ của các đối tượng... nhưng phải công khai và giảm bớt cơ chế xin - cho bằng cách thay quy định xin phép và cho phép của Ngân hàng nhà nước bằng quy định thông báo với Ngân hàng nhà nước). Đề xuất này của chúng tôi xuất phát từ tính đặc thù cần phải kiểm soát về điều kiện hoạt động ngân hàng của các tổ chức tín dụng. Luật chứng khoán điều chỉnh hoạt động chào bán ra công chúng, Luật doanh nghiệp quy định về chào bán riêng lẻ nhưng điều kiện chào bán thường nói rộng do các loại hình doanh nghiệp hoạt động theo Luật doanh nghiệp tiến hành kinh doanh trong rất nhiều lĩnh vực khác nhau, các lĩnh vực kinh doanh đặc thù đã có luật chuyên ngành điều chỉnh. Đối với các ngân hàng thương mại nhà nước cần có chương trình công khai về quá trình chuyển đổi hình thức sở hữu theo đúng tiến trình cam kết, được ghi nhận tổng thể, tránh tình trạng áp dụng hay quyết định phương án cổ phần hoá giữa các ngân hàng thương mại nhà nước có những điểm khác biệt hoặc chênh lệch rõ ràng. Quy định tăng vốn tự có của các ngân hàng thương mại nhà nước chưa được cổ phần hoá cũng cần được xem xét thêm bằng việc sửa đổi một số điều của Nghị định của Chính phủ số 52/2006/NĐ-CP ngày 19/5/2006 về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

*Thứ hai*, pháp luật chưa thực sự tạo điều kiện để ngân hàng tham gia với tư cách nhà đầu tư chứng khoán. Được khẳng định là một loại nhà đầu tư chuyên nghiệp trên thị trường chứng khoán, các ngân hàng trong thời gian qua đã thể hiện khá rõ năng lực của mình. Ngân hàng có thể trở thành nhà

đầu tư chiến lược của một tổ chức phát hành hoặc tổ chức niêm yết tiềm năng. Đối tượng thường thấy của các ngân hàng trong trường hợp này là tập đoàn, tổ chức kinh tế lớn. Bên cạnh đó, việc mua bán chứng khoán của các tổ chức theo phương thức góp vốn cũng hoàn toàn không trái pháp luật. Tuy nhiên, trong thực tế, việc quy định giới hạn được phép đầu tư chứng khoán của các ngân hàng trên cơ sở xác định vốn tự có, giới hạn đầu tư vào một tổ chức phát hành, tổng số vốn có thể sử dụng vào đầu tư chứng khoán... cũng đang đặt ra yêu cầu xác định tính hợp lý của các quy định này.<sup>(6)</sup> Bên cạnh những lợi ích đạt được như đảm bảo an toàn trong kinh doanh ngân hàng, tránh tình trạng thao túng của ngân hàng tại các tổ chức phát hành, những quy định này cũng có thể coi là rào cản quá trình sử dụng vốn của ngân hàng hiện nay. Chẳng hạn như việc xác định đối tượng và mục đích tham gia đầu tư của ngân hàng được quy định tại Quyết định của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam số 03/2007/QĐ-NHNN ngày 19/1/2007 về việc xác định tỉ lệ an toàn trong kinh doanh, giới hạn loại vốn có thể đầu tư vào chứng khoán chỉ là vốn điều lệ và quỹ dự trữ mà không phải là các khoản vốn tự có khác đã hạn chế khả năng đầu tư của ngân hàng. Bên cạnh đó, nếu pháp luật ngân hàng quy định việc đầu tư chứng khoán của ngân hàng phải nhằm mục đích đầu tư lâu dài mà không được đầu tư với mục đích bán lại trên thị trường nhằm hưởng chênh lệch giá hoàn toàn không dễ dàng cho việc kiểm soát của cơ

quan có thẩm quyền và không thể hiện được vai trò của các ngân hàng là tổ chức tín dụng trên thị trường chứng khoán cũng như không thống nhất với quy định của pháp luật chứng khoán. Bởi vì, Luật chứng khoán không quy định nhà đầu tư chuyên nghiệp chỉ được phép đầu tư chứng khoán nhằm hưởng cổ tức, không được mua chứng khoán để bán lại và hưởng chênh lệch giá. Việc đầu tư vào chứng khoán của các đối tượng này rất quan trọng và trong chừng mực nhất định có thể coi là nhà tạo lập thị trường khi các công ti chứng khoán Việt Nam chưa có đủ khả năng (nhân lực, kinh nghiệm...) phân tích và đánh giá như một số ngân hàng thương mại. Để giải quyết những vấn đề trên, thiết nghĩ nếu thay thế những quy định giới hạn cứng trong quá trình đầu tư bằng quy định chặt chẽ chế độ giám sát, hậu kiểm thường xuyên sẽ hiệu quả hơn.

*2.2. Tạo cơ sở pháp lý cho ngân hàng đa dạng hoá cách thức và nội dung kinh doanh trên thị trường chứng khoán, thị trường bảo hiểm*

Với phương hướng phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2020 và chiến lược mở cửa thị trường kinh doanh bảo hiểm thì sự thu hẹp thị phần của mỗi ngân hàng trên thị trường tiền tệ là hiển nhiên nên việc mở cửa thị trường chứng khoán cũng như thị trường dịch vụ tài chính khác là phương án cần được tính toán và tạo điều kiện pháp lý cho hệ thống ngân hàng tham gia. Chúng tôi đề cập tại đây hai phương thức tham gia của ngân hàng vào những loại thị trường trên, đó là:

- Đa dạng hoá loại hình kinh doanh cho

hệ thống ngân hàng nói riêng và hệ thống tổ chức tài chính nói chung. Hiện nay, có nhiều quan điểm khác nhau về việc thành lập mô hình tập đoàn kinh tế đa ngành. Quan điểm ủng hộ mô hình tập đoàn kinh tế đa ngành cho rằng việc hình thành một tổ hợp các pháp nhân độc lập có sự liên kết với nhau thông qua công ti mẹ để tiến hành kinh doanh một hoặc nhiều lĩnh vực khác nhau, tạo ra khả năng chi phối và phân tán rủi ro, tối đa hóa khả năng sử dụng vốn cũng như tìm kiếm lợi nhuận. Thực tế hàng loạt các Tập đoàn kinh tế ra đời như Tập đoàn Bảo Việt, Tập đoàn điện lực Việt Nam, Tập đoàn dầu khí quốc gia, Tập đoàn bưu chính - viễn thông Việt Nam... đã cho thấy sự chấp nhận của nền kinh tế và tính ưu việt của mô hình này. Tuy vậy, cũng có quan điểm cho rằng mô hình kinh tế tập đoàn xuất hiện một cách "tràn lan", "ồ ạt" như hiện nay có nguy cơ dẫn đến sự phân tán năng lực chuyên môn, năng lực tài chính của các tổ chức kinh tế hiện hữu và cảnh báo rủi ro do chính sự hạn chế của tính "đa ngành" mà các tập đoàn kinh tế hiện nay có thể gặp phải.<sup>(7)</sup> Quan điểm ủng hộ tập đoàn kinh tế chuyên nghiệp cho rằng đây là phương án tốt cho việc tập trung nguồn lực để trở thành những tập đoàn đa quốc gia có thể mạnh vượt trội về một lĩnh vực cụ thể. Chúng tôi ủng hộ quan điểm này vì phương án hình thành các tập đoàn kinh tế hoạt động trong một lĩnh vực tạo ra khả năng chuyên môn hoá và nâng cao chất lượng sản phẩm cung cấp cho khách hàng, bên cạnh đó nguy cơ rủi ro do tham gia

những bộ phận thị trường mới bị giảm thiểu. Chính vì vậy, chúng tôi ủng hộ việc thành lập các tập đoàn tài chính ngân hàng. Việc hình thành tập đoàn ngân hàng với tư cách là tập đoàn kinh tế chuyên nghiệp vừa mang lại lợi ích cho chính các nhà đầu tư vào lĩnh vực ngân hàng, vừa đảm bảo lợi ích của khách hàng cũng như đáp ứng được yêu cầu cần kiểm soát từ phía cơ quan quản lý nhà nước đối với các chủ thể có tham gia vào hoạt động ngân hàng. Với đặc điểm chung của các thành viên trong tập đoàn ngân hàng là có năng lực kinh doanh trong lĩnh vực tài chính, sản phẩm kinh doanh đều là các dịch vụ tài chính (hiểu theo nghĩa rộng) nên cơ hội tìm kiếm lợi nhuận tốt, chi phí kinh doanh giảm do có thể hạn chế được một số loại chi phí tiếp cận thị trường, khả năng nắm giữ khách hàng lớn... Bên cạnh đó, mô hình tổ chức của các ngân hàng cho phép các tập đoàn ngân hàng mở rộng sản phẩm của mình đến nhiều đối tượng khác nhau. Đây cũng chính là phương án để gia tăng việc cung cấp đồng thời nhiều dịch vụ khác nhau của các ngân hàng bán lẻ. Thực tế trong thời gian qua, việc thành lập các tập đoàn ngân hàng còn chưa chính thức được công nhận về mặt pháp lý. Đối với các tổ chức tài chính phi ngân hàng như doanh nghiệp bảo hiểm, mô hình tập đoàn đã được chính thức công nhận, biểu hiện rõ nét nhất là sự ra đời của Tập đoàn Bảo Việt với nhiều hoạt động kinh doanh khác nhau nhưng phần cơ bản và chủ yếu vẫn là hoạt động trong lĩnh vực cung cấp các sản phẩm tài chính. Đối với hình thức tổ chức ngân

hàng quy mô lớn như việc hình thành Tập đoàn ngân hàng Đại Dương vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau về giá trị pháp lý của việc công bố thành lập tập đoàn ngân hàng này. Việc thành lập các tập đoàn có phần vốn góp của Nhà nước (như Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam, Tập đoàn Bảo Việt, Tập đoàn Vinashin...) thường được hình thành trên cơ sở quyết định của Thủ tướng Chính phủ (có nghĩa chúng được xác định vị trí pháp lý đầy đủ). Riêng trường hợp Ngân hàng ngoại thương Việt Nam thì Thủ tướng cho phép hội đồng quản trị Ngân hàng ngoại thương sau khi tiến hành cổ phần hoá sẽ quyết định việc thành lập tập đoàn tài chính ngân hàng. Đối với các ngân hàng thương mại cổ phần khác như Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Dương, Luật các tổ chức tín dụng chỉ quy định Ngân hàng nhà nước ra quyết định thành lập và cấp giấy phép hoạt động cho một mô hình tổ chức tín dụng cụ thể (ngân hàng, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính...) mà không cấp phép cho sự xuất hiện của cả một tập đoàn tài chính ngân hàng. Luật doanh nghiệp năm 2005 cho dù công nhận mô hình tập đoàn nhưng cũng chưa quy định chính thức về mô hình tập đoàn của tổ chức kinh tế không có sự tham gia góp vốn của Nhà nước. Thực tiễn pháp lý cho thấy cần phải sửa đổi Luật các tổ chức tín dụng, hướng dẫn thực hiện Luật doanh nghiệp cho mô hình tập đoàn tài chính ngân hàng. Thêm nữa, nếu như chấp nhận việc cấp phép cho sự hình thành tập đoàn tài chính ngân hàng, pháp luật cũng cần định rõ điều

kiện cụ thể cho mô hình này và cơ quan có thẩm quyền cấp phép. Hiện nay, những nội dung nêu trên chưa được quy định cụ thể trong văn bản pháp luật và chưa xác định rõ cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có thẩm quyền ra quyết định thành lập và cấp giấy phép thành lập cho tổ chức kinh tế hoạt động trong lĩnh vực của mình.

Bên cạnh việc hình thành tập đoàn tài chính, để có cơ hội tham gia đầy đủ vào các bộ phận của thị trường tài chính cũng như thị trường cung ứng dịch vụ tài chính, các ngân hàng cũng có thể xây dựng mô hình tập đoàn trên cơ sở một ngân hàng mẹ bằng cách sáp nhập các tổ chức tín dụng phi ngân hàng hoặc thành lập các công ty hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau như công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm nhân thọ, công ty bảo hiểm phi nhân thọ, công ty đầu tư, công ty quản lý đầu tư, công ty định mức tín nhiệm... Giải pháp này xuất phát từ một số lợi thế của hoạt động thu tóm doanh nghiệp hợp pháp và những quy định liên quan đến kiểm soát rủi ro của ngân hàng, quy định về đầu tư tài chính ra bên ngoài doanh nghiệp của các ngân hàng thương mại hiện nay. Hoạt động mua lại (toàn bộ hoặc một phần với tư cách là cổ đông chiến lược hoặc thành viên góp vốn đối với công ty trách nhiệm hữu hạn) cho phép ngân hàng mở rộng phạm vi kinh doanh của mình với chi phí thấp. Các tổ chức kinh tế được ngân hàng mua lại đã và đang hoạt động trong thực tế, hệ thống mạng lưới, đội ngũ cán bộ, mức độ chiếm lĩnh thị trường đã được xác định, ngân hàng mua lại không phải thực

hiện hoạt động xây dựng mới hệ thống mà chỉ tiến hành các hoạt động kiện toàn. Các trung gian tài chính khác được ngân hàng thành lập mới cũng có nhiều ưu thế. Những trung gian này có thể hoạt động dựa trên chính những đối tượng đang là khách hàng của ngân hàng mẹ hoặc trong thời gian ban đầu hoạt động có thể sử dụng một phần cơ sở vật chất của ngân hàng mẹ để tiến hành kinh doanh. Không những vậy, việc ra đời của các trung gian tài chính mới còn nhằm hỗ trợ cho chính các hoạt động ngân hàng của ngân hàng mẹ. Chẳng hạn như việc các tổ chức định mức tín nhiệm có thể hỗ trợ tốt cho ngân hàng mẹ khi đánh giá khách hàng, các công ti chứng khoán có thể là "kênh" giúp cho ngân hàng mẹ tiếp cận "thị trường bán lẻ" như cho vay trên cơ sở cầm cố giấy tờ có giá, thực hiện cung ứng dịch vụ quản lý tài khoản và cung ứng dịch vụ thanh toán... Pháp luật hiện hành đã tạo cơ sở pháp lý cho ngân hàng thực hiện hoạt động này bằng việc cho phép thành lập các công ti con, tham gia và trở thành cổ đông sáng lập các ngân hàng thương mại cổ phần, trở thành cổ đông chiến lược của rất nhiều các ngân hàng cổ phần cũng như các tổ chức tài chính phi ngân hàng (chẳng hạn như HSBC là 1/2 cổ đông chiến lược của Bảo Việt,<sup>(8)</sup> BIDV tham gia thành lập công ti bảo hiểm liên doanh sau đó mua lại toàn bộ vốn của bên liên doanh và coi hoạt động kinh doanh bảo hiểm là một nội dung kinh doanh chủ yếu của BIDV).<sup>(9)</sup> Đây cũng chính là phương án mà nhiều tổ chức tài chính hiện nay đang lựa chọn. Một mô

hình tập đoàn tài chính ngân hàng đa năng được ưa chuộng trên thế giới và cũng đang hiện diện từng bước tại Việt Nam là mô hình Banca-Insurance cũng cần được quy định cụ thể<sup>(10)</sup> tuy nhiên, quy định cụ thể tại Luật tổ chức tín dụng, Luật kinh doanh bảo hiểm hay Luật doanh nghiệp cũng cần phải có sự cân nhắc.

- Đa dạng hoá nội dung kinh doanh của các ngân hàng. Nếu như trước khi Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Tổ chức thương mại thế giới, người Việt Nam còn tương đối xa lạ với các dịch vụ ngân hàng, đặc biệt là các dịch vụ ngân hàng hiện đại thì đến nay đang là nhu cầu thiết yếu của người dân. Đáp ứng với yêu cầu xã hội, yêu cầu của chính cuộc cạnh tranh mới, việc đa dạng hóa nội dung kinh doanh của các ngân hàng đang được đặt ra như một tất yếu. Chẳng hạn như các dịch vụ thanh toán, tín dụng ngân hàng điện tử của Chính phủ theo Nghị định số 35/2007/NĐ-CP ngày 8/3/2007 về giao dịch điện tử trong lĩnh vực ngân hàng, Nghị định này đã có hiệu lực, tuy nhiên những quy định pháp lý xác định điều kiện thực hiện một số loại hình dịch vụ ngân hàng hiện đại cùng với các giới hạn đảm bảo an toàn, hình thức pháp lý xác định tính hiện thực và hiệu lực cho giao dịch ngân hàng hiện đại lại chưa có quy định cụ thể. Vì vậy, một mặt chúng tôi không hoàn toàn tán đồng với quan điểm phải hình thành ngân hàng điện tử ở Việt Nam nhưng cho rằng cần thiết phải thiết lập các giao dịch điện tử trong lĩnh vực ngân hàng, kể cả các giao dịch hiện nay đang thao tác bằng nghiệp vụ



thông thường. Việc thành lập ngân hàng điện tử có nguy cơ rủi ro cao do sự khó kiểm soát về tổ chức, hoạt động, quyền lợi của người gửi tiền nói riêng và tính an toàn, ổn định của nền kinh tế nói chung không được bảo đảm. Trong khi đó, yêu cầu về đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng không chỉ đặt ra cho các chủ thể kinh doanh ngân hàng mà còn đặt ra cho Nhà nước, cho các đối tượng có liên quan khác. Thực tế hoạt động của một số mô hình có huy động tín dụng bằng ngoại tệ thông qua hình thức ảo tại thị trường Việt Nam đã cho thấy rõ ràng nguy cơ rủi ro, thậm chí mang tính chất lừa đảo. Khác với các ngân hàng điện tử với khả năng kiểm soát khó khăn, các giao dịch điện tử trong lĩnh vực ngân hàng mang lại rất nhiều tiện ích cho cả khách hàng và ngân hàng. Các giao dịch này là giao dịch có thật của các ngân hàng truyền thống, sử dụng thành tựu của khoa học công nghệ để cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Để đảm bảo an toàn cho ngân hàng và các bên đối tác cần tiếp tục quy định chi tiết về các nghiệp vụ ngân hàng điện tử và giá trị pháp lý của các giao dịch.

Nếu như mở rộng các dịch vụ cung cấp trên thị trường tiền tệ là mở rộng hoạt động kinh doanh trên bộ phận thị trường sẵn có thì mở rộng hoạt động kinh doanh trên thị trường chứng khoán lại là nhu cầu được tham gia vào bộ phận thị trường mới. Với yêu cầu của xu thế mới, dựa trên năng lực thực có của hệ thống các ngân hàng đang hoạt động tại Việt Nam hiện nay cũng như các ngân hàng sẽ hình thành trong tương lai,

đã đến lúc pháp luật cần quy định tạo điều kiện cho ngân hàng tham gia hoạt động kinh doanh chứng khoán. Pháp luật của các quốc gia có thị trường chứng khoán phát triển mặc dù có sự hạn chế trong từng thời điểm nhưng xu hướng đều đi đến quy định mở cửa thị trường chứng khoán cho các ngân hàng. Quy định này là phù hợp để ngân hàng thực sự có cơ hội cung cấp đồng thời các dịch vụ ngân hàng như dịch vụ thanh toán, dịch vụ lưu ký, dịch vụ tư vấn, cho vay cầm cố, dịch vụ ngân hàng giám sát và hoạt động đầu tư chứng khoán... Hơn nữa, nếu thực hiện giải pháp này thì một số quy định hiện có trong Luật các tổ chức tín dụng mới có khả năng thực thi (như quy định về mô hình của ngân hàng đầu tư, ngân hàng phát triển). Do đó, không những phải sửa đổi, bổ sung pháp luật ngân hàng mà còn phải sửa đổi, bổ sung pháp luật chứng khoán.

- Tạo cơ sở pháp lý để đa dạng hoá, kết hợp các loại dịch vụ ngân hàng trên các bộ phận khác nhau của thị trường tài chính (chẳng hạn như cung cấp dịch vụ thanh toán, dịch vụ lưu ký trên thị trường chứng khoán cùng với các dịch vụ tín dụng, dịch vụ chiết khấu hoặc bảo lãnh ngân hàng trên thị trường chứng khoán). Giải pháp này xuất phát từ quan điểm về một hệ thống ngân hàng đa năng nhằm tạo ra tiện ích cho khách hàng đồng thời tăng hiệu suất kinh doanh của các tổ chức tài chính. Để làm được việc này, cần có những quy định cụ thể, chi tiết về hình thái tồn tại của ngân hàng, của các tập đoàn tài chính, về các biện pháp quản trị rủi ro trong hoạt động

của các trung gian tài chính đối với toàn bộ hoạt động kinh doanh và từng nội dung kinh doanh cụ thể.

Để thực hiện được những vấn đề nêu trên, thiết nghĩ, cần có sự đầu tư nghiên cứu của các nhà hoạch định chính sách các nhà quản lí. Bên cạnh đó, yêu cầu về năng lực tài chính, duy trì năng lực tài chính trong suốt quá trình hoạt động, quy chế quản trị rủi ro theo chuẩn mực quốc tế cần được thực hiện./.

(1).Xem: Điều 12, Điều 105 Luật các tổ chức tín dụng 1997 (sửa đổi, bổ sung năm 2004); Nghị định của Chính phủ số 22/2006/NĐ-CP ngày 28/2/2006; Thông tư của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam số 03/2007/TT-NHNN ngày 5/6/2007.

(2).Xem: Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế, *Các văn kiện gia nhập Tổ chức thương mại thế giới WTO của Việt Nam*, Hà Nội 2006, tr.1051.

(3).Xem: Điều 12 Luật chứng khoán.

(4).Xem: Điều 2, Điều 54 Nghị định của Chính phủ số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

(5).Xem: Nghị định của Chính phủ số 52/2006/NĐ-CP ngày 19/5/2006 về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

(6).Xem: Điều 17 Quy định về các tỉ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam số 457/2005/QĐ-NHNN ngày 19/4/2005; Quyết định của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam số 03/2007/QĐ-NHNN 19/1/2007.

(7).Xem: *Ngược quy luật*, nguồn: <http://www.laodong.com.vn>; *Nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt: Thận trọng với việc thành lập các tập đoàn kinh tế*, nguồn: <http://www.tuoitre.com.vn>

(8). Nguồn: [w.w.w.baoviet.com](http://www.baoviet.com)

(9).Xem: *Kinh doanh bảo hiểm: 1 trong 4 trụ cột chính của BIDV*, nguồn: <http://www.laodong.com.vn>

(10).Xem: Lương Xuân Trường: *Bancassurance - Cách thức kết hợp các dịch vụ tài chính "một cửa" hiệu quả*, Tạp chí bảo hiểm số 4, 5/2005.

## **TÁC ĐỘNG CỦA HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI VIỆT NAM – HOA KÌ VÀ... (tiếp theo trang 41)**

khu vực và quốc tế trong bối cảnh quốc tế hoá hoạt động tài chính - ngân hàng hiện nay. Liên quan đến vấn đề này, các giải pháp tích cực để xử lí nợ tồn đọng; hoàn thiện chế định về bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng; việc tăng vốn điều lệ của các ngân hàng thương mại; bãi bỏ các quy định mang tính bảo hộ các TCTD trong nước; hoàn thiện các tiêu chuẩn, điều kiện cấp phép minh bạch; xây dựng cơ chế đảm bảo cạnh tranh công bằng và lành mạnh; áp dụng các chuẩn mực kế toán quốc tế; việc tăng cường các hoạt động thanh tra và giám sát ngân hàng thương mại... thuộc số các yêu cầu cần sớm được quan tâm và giải quyết thông qua việc xây dựng các thiết chế pháp lí tương ứng. Bài học rút ra từ cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ khu vực châu Á vào năm 1997-1999 cho thấy một nước khó có thể tiếp nhận và sử dụng khối lượng vốn đầu tư nước ngoài nếu không có hệ thống ngân hàng và doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, lành mạnh, đội ngũ các nhà quản trị và kinh doanh giỏi cũng như hệ thống pháp luật rõ ràng và minh bạch.

Do Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ được xây dựng dựa trên các nguyên tắc và chuẩn mực của WTO nên việc kí kết, thực hiện Hiệp định này và các cam kết của Việt Nam khi gia nhập WTO đã đặt ra yêu cầu cần sớm hoàn thiện hệ thống pháp luật về tổ chức và hoạt động ngân hàng ở Việt Nam./.